THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2631/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Nghị quyết số 15-NQ/TW về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng Đông Nam bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; bảo đảm thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực của Trung ương và thành phố; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011 - 2015) cấp quốc gia; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Chiến lược quốc gia về biến đổi

khí hậu; Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020; các điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải cấp quốc gia và thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng và phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành hạt nhân của vùng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước; cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển thành phố nhanh và bền vững với chất lượng và tốc độ cao hơn mức bình quân chung của cả nước.

2. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị. Phát triển đồng bộ các loại hình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng của đô thị đặc biệt; phát triển đồng bộ giữa xây dựng mới với cải tạo và chỉnh trang đô thị; xây dựng thành phố hiện đại, giàu bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc; phát huy tối đa thế mạnh đặc thù sông nước của thành phố.

3. Phát triển sản xuất gắn với nâng cao trình độ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực; tạo mọi điều kiện để phát huy các nguồn lực - nhất là nội lực vào phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực thành phố có lợi thế, hướng đến nâng cao chất lượng tăng trưởng và kinh tế tri thức, trong đó phát triển công nghệ thông tin là ưu tiên hàng đầu; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang khu vực dịch vụ; tiếp tục đầu tư phát triển khu đô thị công nghiệp cảng Hiệp Phước; chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu.

5. Thực hiện phát triển bền vững, gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với thích ứng biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội thành phố với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong quá trình phát triển, hội nhập quốc tế, tăng trưởng xanh, bền vững.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á;

góp phần tích cực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm văn hóa, thể thao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Vùng và cả nước; đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt từ 10% - 10,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 9,5% - 10%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 8,5% - 9%/ năm.

- GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đến năm 2015 đạt từ 4.856 - 4.967 USD, đến năm 2020 đạt từ 8.430 - 8.822 USD, đến năm 2025 đạt từ 13.340 - 14.285 USD. GDP bình quân thời kỳ 2011 - 2020 cao hơn 1,5 lần mức tăng trưởng bình quân của cả nước.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế đến năm 2015: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 56,41% - 57,41%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 41,65 - 42,63%, khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,94% - 0,96%. Đến năm 2020: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,16% - 60,07%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 39,19 - 41,07% và nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,74% - 0,78%. Đến năm 2025: khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng từ 58,29% - 61,10%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng từ 38,29% - 41,05% và khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng từ 0,61% - 0,66%.

b) Về xã hội

- Quy mô dân số thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 đạt 8,2 triệu người, đến năm 2020 đạt 9,2 triệu người và đến năm 2025 đạt 10 triệu người (không kể khách vãng lai và người tạm trú dưới 06 tháng).

- Giải quyết việc làm: đến năm 2015, hàng năm sẽ tạo ra 120.000 chỗ làm việc mới; đến năm 2020, hàng năm sẽ tạo ra 125.000 chỗ làm việc mới và năm 2025, hàng năm tạo ra 130.000 chỗ làm việc mới. Cuối năm 2015, tỷ lệ thất nghiệp kéo giảm còn 4,5%, đến năm 2020 và sau đó còn dưới 4%.

- Giảm hộ nghèo, tăng hộ khá: Đến năm 2016 nâng mức chuẩn nghèo của thành phố lên trên 16 triệu đồng/người/năm, số hộ nghèo tương đương 7 - 8% tổng hộ dân thành phố. Năm 2020, thành phố Hồ Chí Minh không còn hộ nghèo theo chuẩn trên và cơ bản không còn hộ cận nghèo theo chuẩn có thu nhập bình quân 16 triệu đồng/người/năm.

- Đảm bảo chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, mức sống tiệm cận với mức lương tối thiểu; phấn đấu đến năm 2020 cơ bản bảo đảm an sinh xã hội bao phủ toàn dân, đảm bảo mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin.

- Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo và y tế chất lượng cao, ngang tầm với các nước phát triển khu vực Đông Nam Á.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để đảm bảo cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao để có khả năng đáp ứng nhu cầu chuyên môn cao cho cả khu vực phía Nam.

- Nâng cao mặt bằng học vấn đến năm 2015 bình quân đạt lớp 10, năm 2020 bình quân đạt lớp 11 và năm 2025 bình quân đạt lớp 11-12.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế: số bác sĩ trên 10.000 dân đến năm 2015 đạt 15 bác sĩ, đến năm 2020 đạt 20 bác sĩ và đến năm 2025 đạt 20 - 25 bác sĩ.

- Phấn đấu đến cuối năm 2015, 100% xã có trạm y tế, 100% trạm y tế có bác sĩ; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đạt dưới 8%; tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 10‰ trở xuống.

- Nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp chỉ số giá tiêu dùng và khả năng đáp ứng của ngân sách thành phố.

c) Hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông

+ Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh, hiện đại hóa mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, đảm bảo cho thành phố phát triển ổn định, cân bằng, bền vững, góp phần đưa thành phố Hồ Chí Minh trở thành đầu mối giao thông quan trọng của vùng, cả nước và khu vực Đông Nam Á.

+ Xây dựng hoàn thiện Trung tâm điều khiển giao thông hiện đại trên cơ sở ứng dụng tối đa công nghệ tiên tiến nhất hiện nay về hệ thống giao thông thông minh, hệ thống thông tin địa lý GIS để tích hợp quản lý, điều khiển giao thông từng bước lên mức tương đương các đô thị hiện đại của các nước tiên tiến, góp phần cải thiện tình hình ùn tắc giao thông, làm cho giao thông thành phố trở nên thông suốt, kéo giảm tai nạn giao thông dựa trên việc ứng dụng các công nghệ hiện đại về kỹ thuật điện tử và công nghệ thông tin trong công tác điều hành và quản lý giao thông đô thị.

+ Triển khai thực hiện và hoàn thành các quy hoạch chi tiết chuyên ngành cơ sở hạ tầng giao thông vận tải (cầu đường, bãi đỗ, bến xe, trạm trung chuyển, trạm dừng, giao thông thủy...), quy hoạch tổ chức giao thông đô thị và triển khai thực hiện sau khi các quy hoạch được phê duyệt.

+ Tỷ lệ đất giao thông trên đất đô thị đến năm 2015 đạt khoảng 8,2%, đến năm 2020 đạt khoảng 12,2% và đến năm 2025 đạt khoảng 16 - 20%. Để đảm bảo duy trì tỷ lệ này ở mức độ tương đối giữa các khu vực khác nhau, kể cả khu đô thị mới và khu vực lõi của thành phố; quan điểm phát triển tại khu vực lõi trung tâm sẽ được ưu tiên xây dựng các cầu vượt, đường trên cao, đường hầm; qua đó góp phần nâng tổng diện tích giao thông tại khu vực này.

+ Mật độ đường bình quân trên diện tích tự nhiên năm 2015 đạt 1,9 km/km^2, năm 2020 đạt 2,2 km/km^2 và năm 2025 đạt khoảng 4,5 - 5 km/km^2.

+ Giảm trên 10% số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông hàng năm so với năm liền kề trước đó.

+ Phát triển vận tải hành khách và hàng hóa theo mô hình đa phương thức. Đến năm 2015 khối lượng vận tải hành khách công cộng đáp ứng 15% nhu cầu đi lại (trong đó xe buýt đáp ứng khoảng 11%); đến năm 2020, khối lượng vận tải hành khách công cộng đáp ứng 20 - 25% nhu cầu đi lại (trong đó xe buýt đáp ứng khoảng 16%) và đến năm 2025 khối lượng vận tải hành khách công cộng đáp ứng 30% nhu cầu đi lại (trong đó, xe buýt đáp ứng khoảng 21%). Chú trọng phát triển hệ thống đường sắt đô thị bên cạnh hệ thống xe buýt và các phương tiện vận tải hành khách công cộng khác.

- Cấp điện

+ Đảm bảo phát triển cân đối, đồng bộ giữa nguồn, lưới điện và nhu cầu phụ tải, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cho từng giai đoạn.

+ Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng điện, đảm bảo duy trì hệ số đàn hồi (tỷ lệ giữa tốc độ tăng điện thương phẩm và tăng GDP) ở mức dưới 1 và phấn đấu giảm xuống dưới 0,8. Tỷ lệ công suất điện từ năng lượng mới, năng lượng tái tạo khoảng 2 - 3%.

+ Điện thương phẩm bình quân đầu người đạt khoảng 2.600 - 2.800 kwh/người/năm vào năm 2015; khoảng 3.600 - 3.850 kwh/người/năm vào năm 2020 và 4.800 - 5000 kwh/người/năm vào năm 2025.

+ Tỷ lệ tổn thất điện năng đến năm 2015 giảm còn 5,2%, đến năm 2020 còn khoảng 5% và đến năm 2025 còn 4,8%.

+ Đến năm 2015 đạt tỷ lệ ngầm hóa trên 30% lưới điện trung thế và 20% lưới điện hạ thế, trong đó khu vực trung tâm thành phố đạt ngầm hóa 90% lưới điện trung thế và 50% lưới điện hạ thế. Đến năm 2020 cơ bản ngầm hóa lưới điện nội thành hiện hữu và đến năm 2025 cơ bản hoàn thành ngầm hóa ở các trung tâm hành chính huyện, khu đô thị mới, khu công nghiệp.

- Công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông

+ Đến năm 2015 công nghệ thông tin và truyền thông sẽ trở thành cơ sở hạ tầng cho các ngành kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước.

+ Đến năm 2020, phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành phố Hồ Chí Minh thành một ngành kinh tế chủ lực, tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm, làm nền tảng cho sự phát triển chung và thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

+ Đến năm 2025, phấn đấu phát triển hạ tầng công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin thành phố ngang bằng khu vực.

- Cấp nước

+ Đến năm 2015, tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch đạt 100% đối với khu vực nội thành cũ và 98% đối với khu vực nội thành mới, khu vực ngoại thành và đến năm 2025 đạt 100%.

+ Chỉ tiêu nước sinh hoạt bình quân đầu người đạt 152 lít/người/ngày vào năm 2015, đạt 170 lít/người/ngày vào năm 2020 và đạt 180 lít/người/ngày vào năm 2025.

+ Tỷ lệ thất thoát nước giảm còn 32% vào năm 2015, 28% vào năm 2020 và 25% vào năm 2025.

+ Mở rộng phạm vi bao phủ dịch vụ cấp nước ra ngoại thành; cải thiện và nâng cao điều kiện vệ sinh, sức khỏe nhân dân vùng nông thôn.

+ Đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước của thành phố cho các giai đoạn phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 đối với đô thị đặc biệt.

- Thoát nước

Hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát tốt. Từng bước giảm tình trạng ngập nước.

+ Giai đoạn 2011 - 2015: Giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa và triều tại lưu vực trung tâm (diện tích 100 km^2, dân số khoảng 3,3 triệu người); phấn đấu xóa các điểm ngập do mưa hiện hữu, kéo giảm tình trạng ngập nước lưu vực bắc Tàu Hủ, Tân Hóa - Lò Gốm (các quận 6, 11, Tân Phú, Bình Tân và một phần các quận 6, 8, Bình Thạnh), khắc phục tình trạng ngập do thi công, hạn chế phát sinh các điểm ngập mới. Đối với 5 vùng thoát nước còn lại (580 km^2, dân số khoảng 3,4 triệu người), phấn đấu giảm 70% các điểm ngập nước do mưa, 50% các điểm ngập do triều; kiểm soát, ngăn chặn không cho phát sinh các điểm ngập mới. Phấn đấu đến cuối năm 2015, cơ bản hoàn thành chương trình giải tỏa nhà lụp xụp trên và ven kênh, rạch để tiến hành nạo vét, thoát nước, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước. Xây dựng mới 1.100 km đường cống thoát nước. 80% nước thải

bệnh viện và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả vào cống chung. 80% hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 60% nước thải sinh hoạt được xử lý.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do mưa tại 5 vùng thoát nước và phần diện tích còn lại của thành phố vào năm 2020. Mở rộng khu vực bảo vệ chống ngập ngoài phạm vi nghiên cứu quy hoạch tiêu thoát nước (khu vực quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh). Đến năm 2020, hoàn thành cơ bản chương trình chỉnh trang đô thị dọc hai bên bờ kênh, rạch, tăng diện tích vùng đệm điều tiết nước, tạo cảnh quan đô thị. Xây dựng bổ sung 1.900 km đường cống thoát nước. Tổng chiều dài cống và mương thoát nước mưa đến năm 2020 là 6.000km (trong đó mương hở là 3.770km). 100% nước thải bệnh viện và nước thải các cơ sở công nghiệp được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả vào cống chung. 90% hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 80% nước thải sinh hoạt được xử lý.

+ Giai đoạn 2021 - 2025: Giải quyết triệt để tình trạng ngập nước do mưa; giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước do lũ và triều, có xét đến hiện tượng mực nước biển dâng cao trong tương lai trên toàn địa bàn thành phố. 100% hộ dân đô thị được kết nối hệ thống thoát nước và 100% nước thải sinh hoạt được xử lý.

d) Thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Xây dựng các kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các loại tài nguyên, bảo vệ nghiêm ngặt môi trường, nâng cao chất lượng sống, đảm bảo sự phát triển bền vững của thành phố.

- Từng bước cải thiện môi trường nhằm giảm mức độ ô nhiễm môi trường đến mức đảm bảo các yêu cầu về môi trường trong sạch theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững của thành phố và các tỉnh lân cận.

- Đến năm 2015 có 100% cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường; 100% tổng lượng chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại được lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó có phân loại, tái chế và tái sử dụng; 100% kênh rạch không có rác, được nạo vét cải tạo môi trường và khơi thông dòng chảy; 90% khu đô thị mới có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 50% khu đô thị hiện hữu có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Giảm thiểu 80% mức độ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực nội thành, 60% mức độ ô nhiễm khu vực ngoại thành. Giảm thiểu 70% mức độ ô nhiễm không khí, tiếng ồn do sản xuất, 50% ô nhiễm không khí và tiếng ồn do hoạt động giao thông vận tải. 100% người dân thành phố được phổ biến, tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

- Đến năm 2020, phấn đấu 100% khu đô thị mới và 70% khu đô thị hiện hữu có hệ thống nước thải tập trung.

- Đến năm 2025, phấn đấu 100% khu đô thị hiện hữu có hệ thống nước thải tập trung.

đ) Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động 16-CTr/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới và Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 20 tháng 02 năm 2009 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc, bảo đảm an sinh xã hội; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, phòng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" trên cơ sở phát triển tiềm lực chính trị, tinh thần ngày càng vững mạnh, ngang tầm với yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Tạo chuyển biến rõ nét về trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành khu vực phòng thủ vững chắc.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ

- Phát triển dịch vụ mang tính đột phá trên cơ sở nâng cao chất lượng, hiệu quả các ngành dịch vụ và đầu tư phát triển mới các sản phẩm dịch vụ; phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á.

- Tập trung phát triển 09 nhóm ngành dịch vụ tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm; thương mại; vận tải, kho bãi, dịch vụ cảng; bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông; kinh doanh tài sản - bất động sản; dịch vụ thông tin tư vấn, khoa học - công nghệ; du lịch; y tế; giáo dục - đào tạo; phát triển trung tâm tài chính mang tầm khu vực Đông Nam Á.

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ hiện đại, bao gồm hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm phân phối hàng hóa, cao ốc văn phòng, nhà hàng khách sạn cao cấp, thương mại điện tử, trung tâm y tế kỹ thuật cao, các trường đại học đạt chuẩn quốc tế; phát triển đồng bộ giữa hạ tầng dịch vụ hiện đại và hạ tầng dịch vụ truyền thống.

- Phát triển du lịch thành phố ngang tầm với các nước trong khu vực; phát triển thành phố thành trung tâm du lịch và trung chuyển khách du lịch, phát triển các loại hình du lịch mua sắm, du lịch hội nghị, du lịch khám chữa bệnh, du lịch ẩm thực; đẩy mạnh phát triển du lịch nội địa.

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khu vực dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015 đạt từ 11,17% - 12,07%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt từ 10,17% - 11%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 8,55% - 9,37%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân đạt 10,5%/năm; giai đoạn 2016 - 2020, đạt bình quân 10%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 12%/năm. Đến năm 2015 giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt từ 36 - 37 tỷ USD, năm 2020 đạt từ 57 - 59 tỷ USD và năm 2025 đạt từ 100 - 105 tỷ USD. Khách du lịch quốc tế đến năm 2015 đạt khoảng 5 triệu lượt người, đến năm 2020 đạt khoảng 8 triệu lượt người và đến năm 2025 đạt khoảng 13,5 triệu lượt người.

2. Định hướng phát triển công nghiệp - xây dựng

- Phát triển công nghiệp - xây dựng thành phố Hồ Chí Minh tập trung vào những ngành, lĩnh vực, những công đoạn có hàm lượng giá trị gia tăng cao; phát triển 04 nhóm ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao (cơ khí; điện tử - công nghệ thông tin; hóa dược - cao su; chế biến tinh lương thực thực phẩm) và các ngành công nghệ sinh học, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng; phát triển công nghiệp thời trang ngành dệt may - da giày, công nghiệp thiết kế; chuyển dần từ hoạt động gia công lắp ráp sang hoạt động sản xuất.

- Tiếp tục phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao; bố trí sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch; phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp cơ khí, điện tử - tin học; hạn chế thu hút các dự án đầu tư mới thâm dụng lao động phổ thông.

- Tốc độ tăng trưởng GDP khu vực công nghiệp - xây dựng giai đoạn 2011 - 2015 đạt bình quân 8,7%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt bình quân 8,7%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 8,5%/năm.

3. Định hướng phát triển nông nghiệp - nông thôn

Phát triển nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh theo hướng hiện đại, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao gắn với đặc thù nông nghiệp của một đô thị đặc biệt và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP khu vực nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 bình quân đạt 5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5%/năm.

Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại có kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh theo tiêu chí nông thôn mới; gắn kết hài hòa giữa phát triển nông thôn và phát triển đô thị, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa thành thị và nông thôn. Phấn đấu đến năm 2015 đạt 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới (56/56 xã, không tính 2 xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh và xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn đã có tốc độ đô thị hóa rất cao).

4. Định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Lao động, việc làm

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế - xã hội, phát triển đội ngũ lao động trình độ cao đạt tiêu chuẩn quốc tế; cân đối cung - cầu về lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người lao động; phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động thị trường lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 70%, năm 2020 đạt 85% và năm 2025 đạt 90%.

b) Giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thiện cơ sở vật chất, mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, nội dung và phương thức giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa và liên kết quốc tế, huy động mọi nguồn lực vào việc đầu tư cho ngành giáo dục và đào tạo; đảm bảo các chuẩn về giáo viên, trường lớp và cơ sở vật chất các ngành học, bậc học, phấn đấu đến năm 2020 xây dựng thành phố thành một trung tâm lớn về giáo dục - đào tạo chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

- Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: duy trì phổ cập học sinh các bậc học theo đúng độ tuổi.

- Giáo dục mầm non: Nhà trẻ: Huy động cháu ra lớp năm 2020 đạt tỷ lệ 30% và đạt 32% năm 2025. Mẫu giáo: Huy động cháu ra lớp đạt tỷ lệ 80% năm 2020 và năm 2025 là 85%.

- Giáo dục tiểu học: Đến năm 2015, huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; học sinh được học hai buổi/ngày đạt 100%. Sĩ số học sinh không quá 35 học sinh/lớp năm 2015; 30 học sinh/lớp năm 2020; 30 học sinh/lớp năm 2025. Giáo dục trung học cơ sở (THCS): Phấn đấu đến năm 2015, đạt tỷ lệ 100% học sinh được học hai buổi/ngày; 100% các trường THCS đảm bảo đủ các phòng học bộ môn và các phòng phục vụ học tập. Phấn đấu một lớp học ở bậc THCS khoảng 38 học sinh/lớp vào năm 2015; 35 học sinh/lớp năm 2020 và đạt 30 học sinh/lớp năm 2025.

- Giáo dục trung học phổ thông (THPT): Phấn đấu một lớp học ở bậc THPT đạt khoảng 40 học sinh/lớp vào năm 2015; 35 học sinh/lớp đến năm 2020 và 30 học sinh/lớp đến năm 2025.

-Giáo dục nghề nghiệp: đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo chung làm việc trong các thành phần kinh tế đạt 80%, đến năm 2020 đạt đạt 90%, năm 2025, đạt 100%. Đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội.

- Giáo dục đại học: Phát triển giáo dục đại học phù hợp với Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020. Phấn đấu đến 2020 thành phố có ít nhất 1 trường đạt tiêu chuẩn đào tạo ngang tầm với các trường tiên tiến trong khu vực.

c) Y tế

- Đẩy mạnh phát triển ngành y tế, từng bước hiện đại, hoàn chỉnh hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển: thực hiện tốt các chương trình quốc gia về sức khỏe, tiếp tục đầu tư y tế dự phòng, tăng cường các biện pháp vệ sinh phòng bệnh, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm; củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế từ cơ sở đến thành phố; phát triển hệ thống y tế chuyên sâu kỹ thuật cao; đẩy mạnh xã hội hóa, đầu tư phát triển cơ sở vật chất ngành y tế, xây dựng các cụm bệnh viện tại các cửa ngõ thành phố, giảm áp lực các bệnh viện tuyến trên; đảm bảo số giường bệnh đạt 42 trên 10.000 dân đến năm 2015 và duy trì 42 giường bệnh trên 10.000 dân cho cả 2 giai đoạn: 2016 - 2020 và 2021 - 2025.

- Phát triển ngành Dược và Y học Cổ truyền thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn.

- Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế theo hướng tăng nhanh tỷ lệ nguồn nhân lực chuyên khoa sâu, tăng cường năng lực khám chữa bệnh, kiện toàn hệ thống tổ chức cán bộ.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đầu tư, hỗ trợ kinh phí, chuyển giao khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý của các nước, các tổ chức quốc tế để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

d) Văn hóa, thể thao

- Phát triển văn hóa theo hướng văn minh, hiện đại phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị tinh thần mang nét đặc trưng của Việt Nam và của nhân dân thành phố, đảm bảo tính đa dạng về văn hóa. Phát triển văn hóa đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân thành phố, tạo điều kiện giao lưu văn hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh với cả nước và thế giới. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa của thời đại, để nâng cao mức độ hưởng thụ của nhân dân. Thông qua việc tổ chức các loại hình văn hóa, mở rộng việc tham gia của nhân dân vào các tổ chức hiệp hội chuyên môn, đào tạo kỹ năng hưởng thụ văn hóa và tổ chức các hội thi quần chúng, sáng tạo nghệ thuật.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Phát triển hệ thống cơ sở vật chất ngành văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân

dân thành phố, phục vụ du lịch trong nước và quốc tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Xây dựng các tượng đài chiến thắng, tượng đài lịch sử đúng tầm cỡ quy mô thành phố. Phát triển các khu vui chơi giải trí, ngành công nghiệp giải trí ngang tầm các nước trong khu vực; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật. Chú trọng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đến năm 2015 số khu phố đạt chuẩn là 70%, năm 2020 là 75% và năm 2025 là 85%. Đảm bảo 100% người dân thường xuyên tiếp cận với dịch vụ văn hóa. Đầu tư một số công trình văn hóa cho tương xứng với tầm vóc của một trung tâm văn hóa lớn phía Nam.

- Phát triển thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm thể dục thể thao của cả nước. Đối với thể thao quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao, trang bị phương tiện luyện tập thể dục thể thao ở các khu vực công cộng. Tỷ lệ dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên là 28% năm 2015, 33% năm 2020 và từ 40% trở lên vào năm 2025. Đối với thể thao học đường, đảm bảo cơ sở vật chất cho học sinh tham gia luyện tập thể dục thể thao. Đối với thể thao thành tích cao, đầu tư phát triển các môn thể thao thành phố có thế mạnh, những môn thể thao trọng điểm, hiện đại hóa cơ sở luyện tập thể thao đạt tiêu chuẩn quốc tế.

5. Định hướng phát triển khoa học và công nghệ

- Với vị trí là trung tâm khoa học và công nghệ của cả nước và khu vực, hoạt động khoa học và công nghệ thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 phải thực sự trở thành động lực trực tiếp, đóng góp quan trọng vào chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững, đạt trình độ trung bình tiên tiến, rút ngắn khoảng cách với các thành phố lớn trong khu vực.

- Đầu tư thỏa đáng, đáp ứng nhu cầu cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên cơ sở tăng cường đầu tư từ ngân sách thành phố kết hợp với huy động các nguồn lực đầu tư từ xã hội, nhất là các doanh nghiệp. Chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao nhằm tạo bước đột phá về năng lực nội sinh; tiếp thu, sáng tạo và từng bước làm chủ công nghệ mới trên một số lĩnh vực.

- Củng cố và hoàn thiện cơ chế liên kết hợp tác giữa nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho hoạt động khoa học và công nghệ, lấy đổi mới công nghệ, ứng dụng và phát triển công nghệ mới làm đòn bẩy cho sự tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý khoa học và công nghệ; chính sách đối với đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước nhằm khai thác hiệu

quả nhất mọi tiềm năng trí tuệ phục sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và từng bước phát triển nền kinh tế trí thức.

6. Định hướng phát triển quốc phòng, an ninh

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, phòng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình"; nắm chắc dự báo tình hình, luôn giành thế chủ động trong mọi tình huống; tăng cường phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, duy trì môi trường hòa bình, ổn định. Huy động sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ gắn với xây dựng cơ bản, xây dựng thế trận và cơ cấu đầu tư; phát huy tiềm lực kinh tế, sẵn sàng chuyển tiềm lực kinh tế sang tiềm lực quốc phòng khi có chiến tranh. Tăng cường quản lý an ninh mạng, phòng chống khủng bố, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch.

- Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố vững mạnh, toàn diện, đủ sức ngăn chặn và đối phó thành công với mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và phong trào toàn dân tham gia phòng cháy chữa cháy; phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh (trang bị phương tiện, khí tài hiện đại). Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước để trao đổi, cập nhật thông tin về an ninh chính trị, phòng chống hiệu quả tội phạm khủng bố, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Mạng lưới giao thông được tập trung phát triển nối liền các khu đô thị mới, các đô thị vệ tinh, các khu công nghiệp, các công trình đầu mối giao thông liên vùng, gắn kết chặt chẽ với các tỉnh trong Vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ nhau phát triển đồng bộ, khai thác tốt nhất thế mạnh kinh tế - xã hội tổng hợp của toàn vùng.

- Đường bộ

Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đường hướng tâm đối ngoại và hệ thống đường vành đai. Tập trung nâng cấp, mở rộng các tuyến cửa ngõ ra vào thành phố

(Xa lộ Hà Nội, Quốc lộ 13, Quốc lộ 50). Nâng cấp, mở rộng và kết nối Quốc lộ 1 trên địa bàn thành phố; xây dựng hệ thống cầu và các nút giao thông trọng yếu, giải quyết các điểm nghẽn kết nối với các cửa ngõ và các đầu mối giao thông quan trọng. Xây dựng 4 tuyến đường trên cao liên thông với nhau với 4 làn xe ở các trục có lưu lượng giao thông lớn. Xây dựng các bãi trung chuyển hàng hóa tại các cửa ngõ ra vào nội đô và dọc vành đai 2. Ưu tiên phát triển bãi đỗ xe ngầm và trên cao tại khu đô thị đã ổn định. Hoàn thiện Trung tâm điều khiển giao thông thành phố hiện đại trên cơ sở ứng dụng tối đa công nghệ tiên tiến nhất hiện nay.

- Đường sắt

Từng bước đầu tư hoàn chỉnh hệ thống đường sắt đô thị và liên đô thị kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia, đảm nhận chức năng vận tải hành khách công cộng, gồm 7 tuyến metro xuyên tâm và vành khuyên nối các trung tâm chính của thành phố và 3 tuyến xe điện mặt đất. Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt thống nhất khu vực thành phố Hồ Chí Minh, trong đó ưu tiên đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc đưa đoạn tuyến đường sắt Bình Triệu - Hòa Hưng lên cao.

- Đường thủy

Tiếp tục duy trì và cải tạo các luồng tuyến giao thông thủy hiện có, khẩn trương triển khai quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng bến đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2009, nâng cấp các cầu trên tuyến đường thủy nội địa đảm bảo tĩnh không, khẩu độ thông thuyền theo quy định. Kết hợp các tuyến đường thủy nội địa địa phương với các tuyến đường sông chuyên dùng, các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố, hình thành mạng lưới vận tải thủy liên kết giữa các khu vực của thành phố và giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận và quốc tế.

Tập trung các nguồn lực để phát triển khu đô thị công nghiệp cảng Hiệp Phước; triển khai nạo vét luồng Soài Rạp đến cao độ -9,5m (Hệ Hải đồ), đảm bảo cho tàu 30.000DWT đầy tải, tàu 50.000DWT đầy tải, hoàn thành vào năm 2014. Đồng thời, có kế hoạch Nạo vét luồng Soài Rạp đạt cao độ -12m (Hệ Hải đồ) đảm bảo cho tàu 50.000DWT đầy tải, tàu 70.000DWT đầy tải, giảm tải lưu thông để đảm bảo tiếp nhận lượng hàng hóa qua cảng biển khu vực Hiệp Phước đảm bảo lượng hàng hóa qua cảng Hiệp Phước đạt 130 - 150 triệu tấn vào năm 2020, nâng tổng sản lượng hàng hóa qua cảng biển toàn thành phố đạt 200 triệu tấn vào năm 2020 (như định hướng tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025).

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội đô vành đai trong (sông Sài Gòn - sông Trường Đai - rạch Bến Cát - rạch Nước lên - sông Bến Lức - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn) đạt chuẩn kênh cấp 4.

Cải tạo, nâng cấp vành đai ngoài (sông Sài gòn - kênh Xáng - rạch Tra - kênh An Hạ - Chợ Đệm - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn) đạt chuẩn kênh cấp 4.

Xây mới bến tàu khách quốc tế 50.000 DWT tại khu vực Mũi Đèn Đỏ (phường Phú Thuận, quận 7) và bến thủy nội địa tại khu vực cảng Sài Gòn - Khánh Hội hiện hữu.

Đầu tư xây dựng các cảng hàng hóa đường sông kết nối với hệ thống cảng biển thành phố Hồ Chí Minh, đối lưu hàng hóa giữa thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh phụ cận, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long; kết nối và hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và vận tải đường biển. Đồng thời phát triển cảng hành khách, du lịch đường sông. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cảng trên địa bàn thành phố, các cảng có khả năng tiếp nhận các tàu container thế hệ mới. Hoàn thành cơ bản chương trình di dời hệ thống cảng biển từ nội thành ra ngoại vi.

- Hàng không

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ được cải tạo nâng công suất khoảng 20 triệu hành khách/năm vào năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Vận tải hành khách công cộng và hạn chế phương tiện giao thông cá nhân

Phát triển vận tải hành khách công cộng theo hướng hiện đại, liên thông giữa các phương thức vận tải hành khách đô thị. Giai đoạn 2015 - 2020, xe buýt vẫn đóng vai trò chủ đạo trong vận tải công cộng và vận tải đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh sẽ từng bước được hình thành vào giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung nghiên cứu, triển khai sớm các biện pháp kinh tế, hành chính với lộ trình phù hợp nhằm hạn chế sự phát triển phương tiện giao thông cá nhân phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng của thành phố.

b) Cấp điện

Tốc độ tăng điện thương phẩm giai đoạn 2011 - 2015 khoảng từ 7 - 8,5%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 9%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 khoảng từ 7 - 8 %/năm. Điện thương phẩm năm 2015 khoảng 21,5 - 23 tỷ Kwh, năm 2020 khoảng 33 - 35,4 tỷ Kwh, năm 2025 khoảng 48,5 - 50 tỷ Kwh.

Công suất cực đại đạt khoảng 3.800 - 4.000 MW vào năm 2015; khoảng 6.100 - 6.500 MW vào năm 2020 và khoảng 9.000 MW vào năm 2025.

Về lưới điện, giai đoạn 2011 - 2015 xây dựng mới và cải tạo 8 trạm 220 KV với tổng công suất 3.750 MVA, giai đoạn 2016 - 2020 xây dựng mới 8 trạm 220 KV

với tổng công suất 3.500 MVA, giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng mới 13 trạm 220 KV với tổng công suất 4.000 MVA.

c) Công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông

- Từng bước hoàn thiện mạng băng thông rộng đến toàn bộ thành phố, phủ sóng thông tin di động băng thông rộng đến 100% địa bàn dân cư. Phát triển hệ thống các điểm truy cập thông tin công cộng cùng với lắp đặt thiết bị hiện đại nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân dân, doanh nghiệp có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập internet.

- Phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại kết nối với siêu xa lộ thông tin trong nước và quốc tế. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý theo mô hình quản lý tập trung từ các cơ sở dữ liệu theo yêu cầu quản lý của từng chuyên ngành thành hệ thống cơ sở dữ liệu chung phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

- Phát triển an toàn thông tin và an ninh mạng. Xây dựng các khu công nghệ cao, khu công viên phần mềm trọng điểm Quốc gia...

d) Cấp nước

- Đảm bảo tổng công suất cấp nước từ hệ thống cấp nước chính vào năm 2015 đạt 2.510.000 m^3/ngày đêm, đến năm 2020 đạt 3.100.000 m^3/ngày đêm và năm 2025 đạt 3.700.000 m^3/ngày đêm.

- Có các biện pháp kiểm soát và hạn chế dần việc khai thác nước ngầm để đến năm 2015 chỉ còn khai thác từ các giếng công nghiệp đã được cấp phép và giếng khoan hộ gia đình khoảng 330.000m^3/ngày đêm, đến năm 2020 khoảng 200.000 m^3/ngày đêm. Đến năm 2025 chỉ còn khai thác quy mô công nghiệp với lưu lượng khoảng 100.000 m^3/ngày đêm và ngưng hoàn toàn việc khai thác giếng khoan công nghiệp quy mô nhỏ và giếng khoan hộ gia đình.

- Thực hiện chương trình nghiên cứu khả năng cấp nước của hồ Trị An và Dầu Tiếng, đảm bảo nguồn cấp nước cho thành phố trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển mạng lưới truyền dẫn và phân phối nước đồng bộ với công suất các Nhà máy nước cho từng giai đoạn.

- Phát triển mạng lưới cấp nước đảm bảo áp lực nước hợp lý trên toàn địa bàn. Đảm bảo cấp nước cho các hộ dân theo mục tiêu đã đề ra cho các giai đoạn.

- Xây dựng lộ trình hạn chế và các chính sách, giải pháp quản lý việc sử dụng nước ngầm.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật ngành nước, tiến dần tới trình độ quản lý và vận hành của các nước tiên tiến trên thế giới.

đ) Thoát nước

Xây dựng hệ thống thoát nước dựa trên quan điểm hòa hợp với thiên nhiên. Kiểm soát triều và lũ, tăng diện tích cây xanh, thảm cỏ, bảo vệ và mở rộng các hồ điều tiết, giữ tối đa các khu vực trũng chứa nước để giảm sự gia tăng dòng chảy, bảo vệ sông rạch để hỗ trợ tiêu thoát nước và tạo cảnh quan đô thị.

Phát triển hệ thống thoát nước phù hợp với sự phát triển của thành phố, đảm bảo phát triển đồng bộ giữa các khu vực và các ngành cơ sở hạ tầng khác trên cơ sở định hướng phát triển thoát nước đô thị Việt Nam đến 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế cho đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống thoát nước.

8. Phát triển nhà ở

Định hướng phát triển 5 chương trình nhà ở, bao gồm:

Chương trình thay thế chung cư hư hỏng, xuống cấp: dự kiến sẽ tiến hành di dời, xây mới, để đến năm 2015 không còn tình trạng chung cư cũ hết hạn sử dụng trên địa bàn thành phố.

Chương trình nhà ở xã hội: bao gồm 6 chương trình nhánh như (1) Nhà ở cho cán bộ công chức thành phố (2) Chương trình nhà ở cho người có công cách mạng (3) Chương trình nhà lưu trú công nhân (4) Chương trình ký túc xá sinh viên (5) Chương trình nhà ở thu nhập thấp và (6) Chương trình nhà ở cho người nghèo.

Chương trình xây dựng căn hộ tái định cư: tiếp tục thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án đang triển khai đầu tư xây dựng và các dự án mới, đáp ứng nhu cầu tái định cư đến năm 2025.

Chương trình di dời các hộ dân sống trên và ven kênh rạch: phấn đấu cơ bản hoàn thành di dời cơ bản các hộ trên và ven kênh rạch trong giai đoạn 2011 - 2015. Ngoài ra, còn chương trình nhà cho người già, trẻ em lang thang cơ nhỡ là chương trình mới, nhằm mục đích chăm sóc người già, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa.

Chương trình nhà ở công vụ: nghiên cứu xây dựng nhà ở công vụ đáp ứng yêu cầu ở, sinh hoạt cho cán bộ các cấp khi thực hiện nhiệm vụ nhà nước từ nay đến 2025.

9. Bảo vệ môi trường

Kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước mặt, nước ngầm, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, đồng thời khắc phục những nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; xây dựng thành phố xanh, sạch, có môi trường sống tốt, phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ, phát triển Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ;

nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng, gắn với ứng phó biến đổi khí hậu. Tăng cường tuyên truyền trong nhân dân để bảo vệ nguồn nước; tiếp tục phối hợp các tỉnh, thành, quận - huyện có nguồn nước sông Đồng Nai chảy qua để di dời các khu công nghiệp nhằm hạn chế nguồn nước thải từ các nhà máy; xây dựng trạm quan trắc; tăng cường xử lý chất thải, quy hoạch hệ sinh thái; định hướng đầu tư phát triển công nghệ xử lý môi trường.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Tổ chức lãnh thổ hệ thống đô thị và khu công nghiệp, phát triển hệ thống khu, cụm công nghiệp; khu kinh tế thương mại, các khu kinh tế đặc thù khác

a) Mô hình phát triển thành phố: theo mô hình tập trung - đa cực, khu vực trung tâm là khu vực nội thành với bán kính 15 km và 4 cực phát triển:

- Phát triển thành phố theo hướng đa tâm với trung tâm tổng hợp tại khu vực trung tâm hiện hữu gồm Quận 1, Quận 3, một phần Quận 4, quận Bình Thạnh (930 ha) và khu đô thị mới Thủ Thiêm (737 ha); bốn trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng phát triển.

- Phát triển thành phố với hai hướng chính là: hướng Đông và hướng Nam ra biển và hai hướng phụ là: hướng Tây - Bắc và hướng Tây, Tây - Nam.

- Không phát triển đô thị tại vùng bảo tồn nghiêm ngặt và vùng phục hồi sinh thái thuộc khu bảo tồn thiên nhiên rừng ngập mặn Cần Giờ trong khu dự trữ sinh quyển ở Cần Giờ, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn các huyện Bình Chánh và Củ Chi.

- Phát triển đô thị gắn với mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Tổ chức lãnh thổ hệ thống đô thị

Khu đô thị trung tâm của thành phố là khu vực trung tâm hiện hữu bao gồm Quận 1, Quận 3, một phần quận 4, quận Bình Thạnh (930 ha) và khu đô thị mới Thủ Thiêm (737 ha); Thành phố sẽ mở rộng và phát triển theo các hướng như sau:

- Hướng chính phía Đông: hành lang phát triển là tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây và dọc tuyến xa lộ Hà Nội phát triển các khu đô thị mới.

- Hướng chính phía Nam: hành lang phát triển là tuyến Nguyễn Hữu Thọ, phát huy thế mạnh đặc thù sông nước với mật độ xây dựng thấp, không làm giảm diện tích mặt nước phục vụ cho tiêu thoát nước của thành phố.

- Hướng phụ phía Tây - Bắc: hành lang phát triển là tuyến Quốc lộ 22 (xa lộ Xuyên Á).

- Hướng phụ phía Tây, Tây - Nam: hành lang phát triển là tuyến Nguyễn Văn Linh.

c) Phân vùng phát triển

- Vùng phát triển đô thị gồm 13 quận nội thành hiện hữu và 6 quận mới, thị trấn thuộc huyện, các khu đô thị mới phát triển.

- Vùng phát triển công nghiệp được phát triển tại các quận mới và các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè.

- Vùng sinh thái, du lịch được phát triển dọc theo sông Sài Gòn, sông Nhà Bè, sông Đồng Nai, khu sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ.

- Vùng nông nghiệp kết hợp vành đai sinh thái được phát triển tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ.

- Các khu dân cư nông thôn được phát triển tại huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ.

- Vùng bảo tồn thiên nhiên: rừng ngập mặn Cần Giờ thuộc khu dự trữ sinh quyển ở huyện Cần Giờ, rừng đặc dụng phòng hộ tại huyện Củ Chi, Bình Chánh.

d) Phân khu chức năng

- Khu nội thành hiện hữu: gồm 13 quận nội thành hiện hữu, với tổng diện tích khoảng 14.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 4,5 triệu người;

- Khu nội thành phát triển: gồm 6 quận mới, với tổng diện tích khoảng 35.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 2,9 triệu người;

- Các thị trấn, khu dân cư nông thôn và khu đô thị mới tại địa bàn ngoại thành: gồm 5 huyện ngoại thành, với tổng diện tích khoảng 160.200 ha, quy mô dân số dự kiến đến năm 2025 khoảng 2,6 triệu người, trong đó dân số nông thôn khoảng 0,5 triệu người.

- Các khu - cụm công nghiệp tập trung: 01 khu công nghệ cao, 20 khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất và các cụm công nghiệp địa phương với tổng diện tích là 8.792 ha.

- Hệ thống các trung tâm:

+ Trung tâm tổng hợp chính của thành phố tại khu nội thành hiện hữu trên địa bàn Quận 1, Quận 3 và một phần Quận 4, Bình Thạnh có quy mô 930 ha, mở rộng Trung tâm tổng hợp chính mới sang khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2 có diện tích 737 ha.

+ Các trung tâm cấp thành phố tại bốn hướng như: phía Đông vị trí tại phường Long Trường, Quận 9; phía Nam thuộc khu A của đô thị mới Nam Thành phố; phía Bắc thuộc khu đô thị mới Tây - Bắc; phía Tây khu vực giáp Quốc lộ 1 thuộc xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh.

- Hệ thống các trung tâm chuyên ngành:

+ Trung tâm đào tạo đại học, nghiên cứu khoa học: ngoài khu Đại học Quốc gia thành phố, bố trí thêm ở các khu vực thuộc hướng Đông, Nam và Tây - Bắc thành phố.

+ Hệ thống bệnh viện và trung tâm y tế: phát triển xây dựng các bệnh viện, xây dựng mô hình viện - trường và các trung tâm nghiên cứu kết hợp thực nghiệm y - dược tại các cửa ngõ ra vào trung tâm thành phố.

+ Trung tâm văn hóa, thể thao: Khu Lịch sử - Văn hóa - Dân tộc tại Quận 9; Thảo cầm viên, vườn thú tại huyện Củ Chi; Trung tâm thể dục thể thao Rạch Chiếc, Quận 2; Trung tâm sinh hoạt, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao bố trí gắn với sông rạch hồ nước, không gian xanh ở các quận mới và huyện ngoại thành.

- Hệ thống các khu công viên, cây xanh, không gian mở, mặt nước:

+ Giữ gìn, cải tạo các khu công viên, cây xanh hiện hữu, tận dụng quỹ đất của các cơ sở công nghiệp di dời để phát triển thêm công viên, cây xanh.

+ Bảo vệ và quản lý tốt khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn ở Cần Giờ; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc địa bàn huyện Bình Chánh, Củ Chi.

+ Bố trí trục cây xanh cảnh quan, mặt nước kết hợp du lịch, giải trí dọc hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè. Hình thành tuyến vành đai sinh thái, không gian xanh kết hợp với đất nông nghiệp.

- Các khu vực bảo tồn và cấm xây dựng:

+ Cấm xây dựng trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc địa bàn huyện Củ Chi, huyện Bình Chánh.

+ Cấm và hạn chế xây dựng trong các khu vực vành đai bảo vệ an toàn cảng hàng không Tân Sơn Nhất; các khu quốc phòng, an ninh và khu vực hành lang bảo vệ dọc sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Nhà Bè.

+ Hạn chế phát triển đô thị trong các khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp có chức năng kết hợp làm vành đai sinh thái của thành phố.

2. Tổ chức không gian lãnh thổ khu vực nông thôn

- Tập trung đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới; xây dựng một số khu đô thị tạo động lực phát triển các huyện ngoại thành. Mô hình ở phù hợp với đặc thù nhiều sông nước, điều kiện địa hình, địa chất thủy văn, đảm bảo phát triển bền vững. Xác định quy mô diện tích và bảo vệ các khu vực đất nông nghiệp không được chuyển đổi chức năng và quỹ đất dành cho hệ thống cây xanh, công viên của thành phố phục vụ du lịch sinh thái, vui chơi, giải

trí. Quản lý chặt chẽ quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng các khu và cụm công nghiệp tập trung để bảo vệ môi trường.

Phát triển hai khu đô thị mới quy mô lớn là khu đô thị Tây - Bắc tại huyện Củ Chi, Hóc Môn có quy mô khoảng 6.000 ha và khu đô thị - cảng Hiệp Phước, huyện Nhà Bè có quy mô khoảng 3.900 ha (trong đó sông rạch 1.000 ha).

Hướng Bắc thuộc huyện Hóc Môn và Củ Chi phát triển các khu dân cư mới gắn với thị trấn, điểm dân cư nông thôn và các khu công nghiệp tập trung. Hướng Tây thuộc huyện Bình Chánh và hướng Nam thuộc huyện Nhà Bè phát triển một số khu dân cư mới theo dạng cụm để phù hợp điều kiện địa chất thủy văn không thuận lợi, bảo vệ hệ thống sông rạch.

Bảo vệ quỹ đất của vùng nông nghiệp quy mô 86.322 ha, tại các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ. Hình thành 3 tuyến vành đai sinh thái với không gian xanh kết hợp đất nông nghiệp.

V. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ; DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Đính kèm phụ lục)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư

a) Nhu cầu vốn đầu tư

- Giai đoạn 2011 - 2015: tổng vốn đầu tư xã hội của 5 năm thuộc giai đoạn này đạt từ 1,3 - 1,4 triệu tỷ đồng, trong đó vốn từ ngân sách nhà nước chiếm khoảng 12%.

- Giai đoạn 2016 - 2020: tổng vốn đầu tư xã hội của 5 năm thuộc giai đoạn này ước đạt từ 2,7 - 3 triệu tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 10%.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng vốn đầu tư xã hội của 5 năm ước đạt từ 5 - 5,6 triệu tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm khoảng 8%.

b) Nguồn vốn đầu tư

- Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, thành phố cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp, bảo đảm vốn cho công trình, dự án trọng điểm của địa phương.

- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, trong đó: vốn từ thành phần kinh tế nhà nước chiếm từ 25% - 30% tổng vốn đầu tư; vốn từ thành phần kinh tế ngoài nhà nước chiếm từ 50% - 55% tổng vốn đầu tư; vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 15% - 25% tổng vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến thương mại; chú trọng khai thác nguồn vốn ODA, thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, giá thuê đất,...

- Cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục đầu tư theo hướng gọn, minh bạch, công khai; phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thu hút nguồn vốn trong dân, vốn từ kiều hối.

-Đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng các hình thức đầu tư BOT, BT, PPP... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hiệu quả kết cấu hạ tầng. Nâng cao hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, khai thác nguồn vốn từ quỹ đất, phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình...

- Chủ động phối hợp với các bộ - ngành Trung ương và các địa phương liên quan có giải pháp hiệu quả để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của vùng, trong đó tập trung đầu tư hệ thống giao thông công cộng sức chở lớn, đường sắt đô thị, đồng thời phát triển đường vành đai, đường trên cao, đường cao tốc, luồng tàu đường biển, đường sông.

2. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Thực hiện tái cấu trúc cơ cấu lao động và nguồn nhân lực thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tái cấu trúc các ngành kinh tế. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng các trường đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng dạy.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục - đào tạo, chú trọng định hướng các trường dạy nghề xây dựng và tổ chức thực hiện chuẩn đầu ra chung cho từng ngành đáp ứng yêu cầu xã hội. Tăng cường sự liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa công tác hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo, thực tập gắn với nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp và xã hội. Tăng cường hợp tác quốc tế trong giáo dục - đào tạo.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục và đào tạo, khuyến khích các hoạt động xã hội về khuyến học, khuyến tài; xây dựng xã hội học tập.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở cấp thành phố, các sở - ngành và quận - huyện. Đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ quan nghiên cứu khoa học theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thúc đẩy hình thành lực lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ làm nhân tố cho sự phát triển khoa học và công nghệ trong tương lai.

- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý và chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư cho khoa học và công nghệ, trong đó nâng cao tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa thu hút các nguồn

lực ngoài ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ. Hình thành hệ thống các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đổi mới công nghệ thúc đẩy phát triển các ngành công nghệ cao.

- Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là trí thức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước có trình độ chuyên môn cao. Phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật trình độ cao trong các doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ cao, tăng tỷ trọng đóng góp của công nghiệp công nghệ cao trong GDP của thành phố. Tiếp tục hoàn thành các công trình khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm công nghệ sinh học nhằm thu hút các dự án đầu tư của nước ngoài cũng như các doanh nghiệp trong nước.

- Phát triển thị trường khoa học công nghệ, sớm xây dựng và đưa vào hoạt động Sàn giao dịch công nghệ. Mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả các chương trình đổi mới công nghệ công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

- Chủ động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, chú trọng khai thác tài sản trí tuệ của các nước phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ cao.

4. Giải pháp về bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Xây dựng cơ chế, chính sách liên kết Vùng trong công tác bảo vệ môi trường sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư đổi mới công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư ít gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời ngăn chặn các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường.

- Ngăn chặn về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường; đảm bảo cho mọi người được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn quốc gia.

- Từng bước sử dụng công nghệ sạch trong các ngành kinh tế - xã hội; khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, đất và nước; phục hồi các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị phá hủy, đảm bảo cân bằng sinh thái ở mức cơ bản; tăng cường sử dụng năng lượng sạch và công tác quản lý phát triển sạch; tăng diện tích cây xanh ở các khu đô thị; nâng cấp, phát triển hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải các đô thị, khu công nghiệp, các làng nghề.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, cộng đồng vào công tác bảo vệ môi trường.

5. Giải pháp về tăng cường hợp tác với các địa phương trong nước

- Tăng cường hợp tác với các địa phương trong nước, nhất là Vùng kinh tế trong điểm phía Nam, Vùng Đông Nam bộ trong việc triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng gắn với quy hoạch Vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch hạ tầng đô thị, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường.

- Đổi mới cơ chế thu hút vốn đầu tư tập trung vào chiều sâu và chất lượng, tạo ra cơ chế, chính sách chung, đồng bộ về thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đúng trọng điểm và thế mạnh của thành phố.

- Phát triển các khu công nghiệp của thành phố phù hợp chiến lược phát triển và phân bố lực lượng sản xuất của toàn vùng, có mối quan hệ hợp tác và phân công hài hòa với các khu công nghiệp của các địa phương trong vùng trong một thể thống nhất. Xây dựng cơ chế chung xử lý các vấn đề về lao động, hạ tầng và môi trường.

6. Giải pháp về mở rộng hợp tác quốc tế

- Tăng cường hơn nữa các hoạt động đối ngoại, quảng bá hình ảnh của thành phố; mở rộng hoạt động giao lưu học hỏi kinh nghiệm quốc tế, khu vực nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác; kết hợp các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, thâm nhập thị trường; huy động nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài.

- Tiếp tục hỗ trợ các hoạt động hợp tác quốc tế trong khu vực công và khu vực doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học - công nghệ. Hoàn thiện hệ thống thông tin phân tích, nghiên cứu về kinh tế - xã hội, kinh nghiệm phát triển của các thành phố trên thế giới.

7. Giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Đẩy mạnh cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật, cải cách thủ tục hành chính nhằm đổi mới toàn diện và tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính trên cả bốn phương diện: cán bộ - công chức - viên chức, tổ chức bộ máy, thủ tục hành chính và tài chính công. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh. Xây dựng hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh trên địa bàn.

- Mở rộng thực hiện cơ chế "một cửa" ở các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính quyền điện tử nhằm cung cấp cho nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp các dịch vụ trực tuyến "một cửa" tiện ích, dễ dàng truy cập mọi lúc mọi nơi qua mạng; từng bước công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền thành phố thông qua Internet.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện thí điểm đối với những vấn đề mới phát sinh mà thực tiễn thành phố đặt ra trong quá trình phát triển nhưng chưa có quy định hay những quy định hiện hành của Nhà nước không phù hợp với điều kiện phát triển của thành phố theo đúng tinh thần Nghị Quyết 16 của Bộ Chính trị; nghiên cứu cải cách cơ bản chính sách tiền lương để cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo cuộc sống.

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách về phân cấp quản lý mạnh hơn cho thành phố, tăng hơn tính tự chủ về tài chính, quản lý và sử dụng đất đai, nguồn nhân lực, xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực,... và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội dung đã phân cấp của Trung ương đối với chính quyền địa phương; nghiên cứu đổi mới tổ chức các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo hướng: các Sở chuyên ngành được giao trách nhiệm toàn diện và xuyên suốt về lĩnh vực thuộc thẩm quyền trên địa bàn thành phố, góp phần cải cách hành chính trong hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố gắn liền với xây dựng chính quyền đô thị. Nội dung và mức độ phân cấp cụ thể do Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan sẽ cùng với thành phố thảo luận, xác định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

- Sau khi Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công bố quy hoạch theo quy định, đồng thời đưa lên Website của Ủy ban nhân dân thành phố để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia giám sát và thực hiện theo quy hoạch.

- Rà soát, lập mới quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, các quy hoạch chi tiết; phối hợp các ngành trong quá trình thực hiện quy hoạch; đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phát triển ngành.

- Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 tiến hành lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện đầu tư phát triển theo

quy hoạch; tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành và địa phương trong thực hiện quy hoạch. Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch từng thời kỳ vào cuối mỗi kỳ quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp tình hình thực tế.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp quận, huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố để bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn gắn với các dự án cụ thể để có kế hoạch bố trí vốn đầu tư phù hợp.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố trong từng giai đoạn nhằm thu hút đầu tư, huy động tốt các nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của cả nước trong từng giai đoạn để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh lập các quy hoạch cụ thể, nghiên cứu xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ thành phố trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch. Chú trọng đầu tư cho các công trình do các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn thành phố như: các tuyến đường cao tốc, vành đai; các công trình quy mô lớn thuộc hệ thống cấp điện, thủy lợi, thoát nước và xử lý ô nhiễm các sông; các cơ sở đào tạo, y tế...

3. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho thành phố Hồ Chí Minh thu hút đầu tư phát triển các khu công nghệ cao, các dịch vụ cao cấp...

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
ĐỀ ÁN, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025
I	**CÁC CHƯƠNG TRÌNH**			
1	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xây dựng nhanh nguồn nhân lực	X	X	
2	Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị	X	X	
3	Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố	X	X	
4	Chương trình giảm ùn tắc giao thông	X	X	
5	Chương trình giảm ngập nước			
6	Chương trình giảm ô nhiễm môi trường			
7	Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số	X	X	
8	Chương trình xây dựng thôn mới	X		
9	Chương trình phát triển cây giống, con giống chất lượng cao	X		
10	Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát hiện bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể thao năm 2012 và giai đoạn 2011 - 2015	X		
11	Chương trình biến đổi khí hậu	X		
II	**CÁC ĐỀ ÁN**			
1	Đề án tái cấu trúc kinh tế thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020	X		
2	Đề án phát triển ngành luật sư đến năm 2020 thành phố Hồ Chí Minh	X		
3	Đề án xây dựng kiến trúc tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin	X		

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025
4	Đề án triển khai ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2020	X		
5	Đề án phát triển bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố (theo QĐ số 101/QĐ-TTg ngày 22/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020)	X		
6	Đề án lộ trình xã hội hóa giáo dục thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2030	X		
III	**DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**			
1	Dự án Quy hoạch phát triển ngành du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	X		
2	Dự án Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ	X		
3	Dự án Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp	X		
4	Dự án xây dựng công viên khoa học thành phố Hồ Chí Minh	X		
5	Dự án Quy hoạch ngành phòng cháy chữa cháy đến năm 2025	X		
6	Dự án quy hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh đến năm 2025	X		
7	Dự án nâng cao trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại cho lực lượng cảnh sát giao thông thành phố phù hợp với quy mô định hướng phát triển của thành phố	X		
8	Dự án lập bản đồ phân vùng cấm và hạn chế khai thác nước dưới đất	X		
9	Dự án nghiên cứu tái cấu trúc mạng lưới cấp nước thành phố theo các vùng phục vụ của cụm nhà máy nhằm cải thiện chất lượng nước	X		
10	Dự án giảm thất thoát nước của thành phố cho 4 vùng còn lại	X		

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025
11	Dự án nghiên cứu, đánh giá khả năng khai thác nước thô từ hồ Trị An và Dầu Tiếng thay thế cho nguồn nước sông Đồng Nai và sông Sài Gòn để cung cấp cho thành phố Hồ Chí Minh	X		
12	Dự án lập quy hoạch chi tiết hệ thống thoát nước	X		
13	Dự án Quy hoạch phát triển ngành giáo dục - đào tạo thành phố HCM giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030	X		
14	Dự án Quy hoạch phát triển hệ thống các trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2030	X		

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
I	**NGÀNH KINH TẾ**						
1	Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm	X	X	X		X	
2	Dự án xây dựng Khu đô thị Tây - Bắc thành phố	X	X	X		X	
3	Xây dựng hoàn chỉnh Khu đô thị Nam Sài Gòn	X	X	X		X	
4	Xây dựng hoàn chỉnh Khu đô thị công nghiệp Cảng Hiệp Phước	X	X	X		X	
5	Dự án chỉnh trang khu vực trung tâm thành phố	X	X	X		X	
6	Xây dựng khu công nghiệp Bàu Đưng		X			X	
7	Xây dựng khu công nghiệp Hòa Phú		X			X	
8	Xây dựng khu công nghiệp Lê Minh Xuân 2		X			X	
9	Xây dựng khu công nghiệp Lê Minh Xuân 3		X			X	
10	Xây dựng khu công nghiệp Phú Hữu		X			X	
11	Xây dựng khu công nghiệp Vĩnh Lộc 3		X			X	
12	Xây dựng khu công nghiệp Xuân Thới Thượng		X			X	
13	Mở rộng khu công nghiệp Hiệp Phước giai đoạn 3		X			X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
14	Mở rộng khu công nghiệp Lê Minh Xuân		X			X	
II	**GIAO THÔNG VẬN TẢI**						
A	**Trục hướng tâm**						
1	Mở rộng Xa lộ Hà Nội	X			X	X	
2	Xây dựng cầu đường Bình Triệu II - giai đoạn 2	X	X			X	
3	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 15	X	X			X	
4	Đầu tư nâng cấp Quốc lộ 50 (đoạn qua thành phố Hồ Chí Minh)		X		X	X	
B	**Đường vành đai**						
1	Xây dựng đường nối vành đai phía Đông - Xa lộ Hà Nội (đường Bình Thái - Vành đai phía Đông)	X	X		X	X	
2	Xây dựng đường nối từ cầu vượt nút giao thông Gò Dưa đến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài	X	X			X	
3	Xây dựng đường nối Bình Thái - Gò Dưa	X	X			X	
C	**Trục xuyên tâm**						
1	Nâng cấp, mở rộng đường Trường Chinh (đoạn từ ngã ba Trường Chinh - Âu Cơ đến ngã ba Trường Chinh - Cộng Hòa)	X				X	
2	Xây dựng đường trục Bắc Nam thành phố (đoạn từ nút giao với đường Hoàng Diệu đến đường Nguyễn Văn Linh)	X	X			X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
3	Đường nối Đại lộ Đông - Tây, thành phố Hồ Chí Minh với đường ô tô cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	X	X			X	
D	**Đường nội đô**						
1	Mở rộng đường Tân Kỳ - Tân Quý (từ Lê Trọng Tấn đến Cộng Hòa)	X	X			X	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lương Định Của	X	X			X	
3	Xây dựng đường song hành Hà Huy Giáp	X				X	
4	Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ nút giao Tân kiên đến giáp ranh tỉnh Long An	X				X	
E	**Cầu đường bộ vượt sông**						
1	Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai 2 phía Đông	X				X	
2	Xây dựng cầu Sài Gòn 2	X				X	
3	Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2		X			X	X
4	Xây dựng cầu Thủ Thiêm 3		X			X	X
5	Xây dựng cầu Vàm Thuật và đường Vườn Lài	X	X			X	
F	**Bến bãi**						
1	Xây dựng, khai thác tầng ngầm làm bãi đậu xe và dịch vụ công cộng tại công viên Lê Văn Tám	X	X			X	
2	Xây dựng bãi đậu xe ngầm công cộng kết hợp thương mại dịch vụ và sân khấu Trống Đồng	X	X			X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
3	Xây dựng hầm đậu xe và dịch vụ công cộng tại khu vực sân vận động Hoa Lư	X	X			X	
4	Xây dựng bãi đậu xe ngầm tại khu vực sân bóng đá thuộc công viên văn hóa Tao Đàn, quận 1	X	X			X	
G	**Đường sắt đô thị**						
1	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1	X	X				X
2	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 2	X	X				X
3	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 3a			X			X
4	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 3b			X			X
5	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 4			X			X
6	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 5		X	X			X
7	Xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 6		X	X			X
8	Nhà ga trung tâm Bến Thành	X	X				X
H	**Đường thủy**						
1	Cảng Hiệp Phước (đang đầu tư)	X	X	X		X	
2	Nạo vét lòng Soài Rạp (giai đoạn 2)	X	X			X	X
I	**Vận tải đường bộ**						
1	Đầu tư mới phương tiện xe buýt giai đoạn năm 2012 - 2015	X				X	
2	Đầu tư hệ thống vé thông minh (smart card) thay thế vé xe buýt giấy	X				X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
3	Đầu tư xây dựng, thiết lập hệ thống giám sát (BMS) và thông tin xe buýt (BIS)	X				X	
4	Đầu tư phát triển mạng lưới BRT theo quy hoạch	X				X	X
5	Xây dựng trung tâm điều khiển giao thông thành phố	X				X	X
K	**Hệ thống giao thông tĩnh**						
1	Xây dựng Nhà ga hành khách xe buýt Công viên 23/9	X				X	
2	Xây dựng nhà ga hành khách xe buýt Chợ Lớn	X				X	
3	Xây dựng nhà ga hành khách xe Buýt Đầm Sen	X				X	
4	Xây dựng Bến xe Văn Thánh (bãi trung chuyển xe buýt 152 Điện Biên Phủ)	X				X	
5	Xây dựng Bến xe Củ Chi	X				X	
6	Mở rộng Bến xe An Sương	X				X	
7	Bãi hậu cần tại phường Hiệp Bình Phước (quận Thủ Đức)	X				X	
8	Mở rộng Bến xe Quận 8	X				X	
9	Một số nhà ga hành khách xe buýt (theo QĐ số 101/QĐ-TTg ngày 22/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ)	X				X	
10	Xây dựng bến xe Suối Tiên (Miền Đông mới)	X	X			X	
11	Xây dựng bến xe Miền Tây mới	X	X			X	
12	Xây dựng bến xe sông Tắc	X	X			X	
13	Xây dựng bến xe Xuyên Á	X	X			X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
14	Đầu tư phát triển bến bãi vận tải hàng hóa theo quy hoạch	X	X			X	
L	**Đường cao tốc**						
1	Xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	X	X		X		
2	Cao tốc liên vùng phía Nam (Bến Lức - Long Thành)		X		X		
3	Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Củ Chi - Mộc Bài			X	X		
4	Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Lộc Ninh			X	X		
M	**Đường sắt khu đầu mối thành phố Hồ Chí Minh**						
1	Đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng			X	X		
2	Đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho			X	X		
3	Đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Sân bay Quốc tế Long Thành			X	X		
4	Đường sắt nhẹ Tân Thới Hiệp - Trảng Bàng			X	X		
5	Đường sắt chuyên dụng ra cảng Hiệp Phước			X	X		
N	**Hàng không**						
1	Mở rộng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất			X	X		
III	**CẤP NƯỚC**						
1	Dự án ADB (đang thực hiện)	X				X	X
2	Dự án xây dựng nhà máy nước Thủ Đức III	X				X	
3	Dự án xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp giai đoạn II		X			X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
4	Dự án xây dựng các trạm bơm tăng áp	X				X	
5	Dự án nhà máy nước Kênh Đông II	X	X	X		X	
6	Dự án xây dựng nhà máy nước Thủ Đức IV		X			X	
7	Dự án xây dựng nhà máy nước Thủ Đức V			X		X	
8	Dự án XD nhà máy nước Tân Hiệp giai đoạn III			X		X	
9	Dự án phát triển mạng lưới ống nước cấp 1		X	X		X	
10	Dự án phát triển mạng lưới ống nước cấp 2		X			X	
11	Dự án phát triển mạng lưới ống nước cấp 3		X			X	
IV	**THOÁT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG**						
1	Nhóm dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước	X				X	
2	Nhóm dự án đầu tư hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải	X				X	
3	Nhóm dự án kiểm soát triều	X			X	X	
4	Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc tự động CLMT nước mặt hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	X				X	
5	Nhà máy xử lý rác thành phân của TASCO (công suất 500 tấn/ngày)	X				X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
6	Dự án nhà máy đốt rác thành điện, công suất 1500 - 2000 tấn/ngày	X				X	
7	Khu xử lý chất thải rắn Tây - Bắc	X	X			X	
8	Xây dựng nghĩa trang Đa Phước	X				X	
9	Di dời nghĩa trang Bình Hưng Hòa	X				X	
V	**ĐIỆN**						
1	Dự án xây mới, cải tạo lưới 110KV và bù cao áp	X			X		
2	Dự án xây mới và cải tạo lưới 220KV	X	X	X	X		
3	Dự án xây mới và cải tạo lưới trung áp	X	X	X	X		
4	Dự án xây mới và cải tạo lưới hạ áp	X	X	X	X		
5	Dự án đầu tư năng lượng mới và tái tạo	X	X	X	X		
VI	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**						
1	Đầu tư nâng cấp công trình trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	X				X	
2	Xây mới trường THPT Chất lượng cao Cát Lái tại khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm Quận 2	X				X	
3	Đầu tư nâng cấp công trình trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	X				X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
4	Đầu tư nâng cấp công trình Trung tâm GDTX Chu Văn An đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	X				X	
5	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Lâm đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	X				X	
6	Đầu tư nâng cấp công trình Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức đạt tiêu chuẩn tiên tiến khu vực Đông Nam Á	X				X	
VII	**Y TẾ**						
1	Xây dựng mới bệnh viện Nhi đồng thành phố 1.000 giường, cửa ngõ phía Tây	X			X		
2	Xây dựng mới Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2 tại Quận 9, quy mô 1.000 giường	X			X		
3	Xây dựng mới BV Chấn thương Chỉnh hình 500 giường (cơ sở 2 tại khu Nam)	X				X	
4	Xây dựng mới bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức 1.000 giường cửa ngõ phía Đông, giai đoạn 1 xây dựng 500 giường	X				X	
5	Xây dựng Viện Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - Cơ sở 2	X				X	
6	Xây dựng mới bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi 1.000 giường cửa ngõ phía Bắc, giai đoạn 1 xây dựng 500 giường	X				X	

STT	Tên chương trình, dự án	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	Nguồn vốn đầu tư của Trung ương	Nguồn vốn đầu tư của thành phố	Nguồn vốn ODA
7	Xây dựng mới bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn 1.000 giường cửa ngõ phía Bắc, giai đoạn 1 xây dựng 500 giường	X				X	
8	Xây dựng mới Trung tâm Xét nghiệm Y khoa thành phố	X				X	
VIII	**NGÀNH VĂN HÓA**						
1	Dự án Bảo tàng Tổng hợp thành phố	X				X	
2	Nhà hát Giao hưởng - Nhạc, Vũ kịch	X				X	
3	Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ	X				X	
4	Tượng đài Nam Bộ kháng chiến và tượng đài Thống Nhất	X				X	
5	Trung tâm cải lương Hưng Đạo	X				X	
6	Nâng cấp chùa Giác Viên	X				X	
7	Xây dựng khu tưởng niệm Tết Mậu Thân 1968	X				X	
IX	**NGÀNH THỂ THAO**						
1	Dự án Khu liên hợp thể dục thể thao quốc gia Rạch Chiếc	X				X	
2	Trung tâm thể dục thể thao Phan Đình Phùng	X				X	
3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh	X				X	

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng